

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021
của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

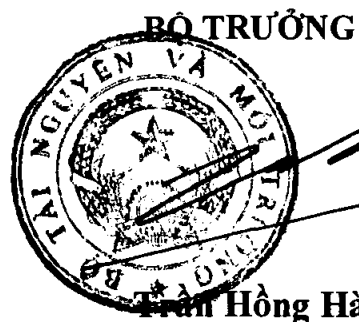
Điều 1. Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB. BH65



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐỀ ÁN

TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(ban hành kèm theo Quyết định số 3222/QĐ-BTNMT
ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

ĐỀ ÁN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 3222/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới đã xác định: “... *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, quản lý nhà nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân*”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã có Kết luận số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013 về một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Kết luận số 64-KL/TW ngày 28 tháng 5 năm 2013 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, đã yêu cầu tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để tinh giản biên chế, đưa ra khỏi biên chế những trường hợp năng lực, phẩm chất, sức khỏe yếu, hiệu quả, chất lượng công tác không đạt yêu cầu; kiên quyết cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, thay thế những người không đáp ứng được nhu cầu bằng những người có phẩm chất và năng lực. Thực hiện nguyên tắc số công chức được tuyển dụng mới vào công vụ không quá 50% số công chức đã ra khỏi biên chế; 50% số biên chế còn lại để bổ sung cho những lĩnh vực cần tăng.

Ngày 17 tháng 4 năm 2015 Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và tiếp tục cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó, xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: “*Kiên trì thực hiện chủ trương tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm không tăng*

tổng biên chế của cả hệ thống chính trị. Trường hợp phải thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới thì các cơ quan tổ chức, đơn vị tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có”; đồng thời giao trách nhiệm: “Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong 7 năm (2015 - 2021) và từng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện. Trong đó, phải xác định tỉ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng viên chức sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp...”.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về tinh giản biên chế, Chính phủ đã ban hành Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế; Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015), trong đó đã giao nhiệm vụ cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm phối hợp với cấp ủy, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức xây dựng đề án tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị mình trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng và quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban cán sự đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đã ban hành Chương trình số 28-CTr/BCSĐTNMT ngày 15/6/2016 của Ban cán sự đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng với nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành tài nguyên và môi trường theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, hiện đại; chuyển đổi mạnh mẽ mô hình quản lý thực sự phục vụ người dân, doanh nghiệp; đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới; tổ chức thực hiện thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 7 năm 2015 phê duyệt Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày

17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

2. Thực trạng công tác quản lý công chức, viên chức

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung quan trọng, quyết định đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Ban cán sự đảng và Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rất chú trọng quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng đội ngũ công chức, viên chức.

Thực hiện các văn bản pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều đổi mới: tổ chức bộ máy Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục được hoàn thiện, kiện toàn, khắc phục tối đa tình trạng chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường với các bộ, ngành khác; cơ cấu tổ chức của Bộ thống nhất, tinh gọn và đồng bộ, thể hiện rõ cơ cấu tổ chức của Bộ quản lý đa ngành. Đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Công tác quản lý cán bộ, công chức đã được thực hiện nghiêm theo quy định của Nhà nước, thực hiện đổi mới các quy chế và công tác chỉ đạo, điều hành công việc trong công tác cán bộ theo nguyên tắc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với đơn vị. Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đánh giá cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch; ban hành các đề án, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trọng tâm là đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của ngành ở địa phương. Công tác chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động đã được quan tâm hơn. Các chương trình, kế hoạch về công tác cải cách hành chính đã được ban hành kịp thời đầy đủ. Các cấp ủy đảng và lãnh đạo đơn vị đã tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của đơn vị, hướng về địa phương, cơ sở cũng như người dân và doanh nghiệp. Qua đó, chất lượng của đội ngũ công chức, viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã từng bước được nâng cao, có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc quản lý công chức, viên chức chưa thực sự gắn với chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, phạm vi phục vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ. Biên chế, số lượng người làm việc được giao còn thiếu khoa học, chưa gắn với vị trí việc làm; việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế chưa mạnh mẽ, quyết liệt; chưa khắc phục được tình trạng “vừa thừa lại vừa thiếu” biên chế, số lượng người làm việc trong các đơn vị; vẫn còn có đơn vị chưa làm tốt công tác phân loại đánh giá công chức, viên chức v.v.

3. Yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước gắn với điều tra cơ bản và nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ trên 09 lĩnh vực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bao gồm: đất đai; tài nguyên nước; địa chất và tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám. Đây là những lĩnh vực có tính chất phức tạp, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân, doanh nghiệp, có tác động lớn đến bảo đảm an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước. Do đó nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành tài nguyên và môi trường là hết sức nặng nề.

Quán triệt và thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước và để đáp ứng yêu cầu xây dựng một Chính phủ trong sạch, vững mạnh, liêm chính, quyết liệt hành động, lấy nhân dân làm đối tượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ Nhân dân, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường đáp ứng đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức viên chức phù hợp, tinh thông kỹ năng nghiệp vụ; có bản lĩnh vững vàng và phẩm chất đạo đức trong sạch là hết sức cần thiết. Mặt khác việc rà soát, tinh giản đối với trường hợp công chức, viên chức, người lao động không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao hoặc yếu kém về phẩm chất, đạo đức cũng cần phải thực hiện ngay.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên; thực tiễn công tác quản lý công chức, viên chức và yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường đáp ứng công tác quản lý tài nguyên và môi trường trong thời kỳ mới, việc xây dựng Đề án “Tinh giản biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2015 - 2021” là rất cần thiết.

Phần II
THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, KẾT QUẢ TINH GIẢN BIÊN CHẾ
VÀ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ

1. Tổng hợp số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Biên chế công chức:

- Năm 2013:

+ Số được cơ quan có thẩm quyền giao: 1.238 chỉ tiêu.

+ Số đã giao: 1.238 chỉ tiêu.

- Năm 2014:

+ Số được cơ quan có thẩm quyền giao: 1.268 chỉ tiêu.

+ Số đã giao: 1.268 chỉ tiêu.

- Năm 2015:

+ Số được cơ quan có thẩm quyền giao: 1.268 chỉ tiêu.

+ Số đã giao: 1.268 chỉ tiêu.

- Năm 2016:

+ Số được cơ quan có thẩm quyền giao: 1.249 chỉ tiêu.

+ Số đã giao: 1.247 chỉ tiêu.

- Năm 2017:

+ Số được cơ quan có thẩm quyền giao: 1.230 người

+ Số đã giao: 1.229 chỉ tiêu

+ Số có mặt: 1.188 người (thời điểm ngày 15 tháng 6 năm 2017)

b) Biên chế sự nghiệp:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và số biên chế sự nghiệp được Bộ Nội vụ giao từ năm 2009 trở về trước, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện việc giao biên chế sự nghiệp cụ thể như sau:

Năm 2013: 5.582 chỉ tiêu, trong đó có 4.652 chỉ tiêu được Ngân sách nhà nước cấp.

Năm 2014: 5.582 người, trong đó có 4.652 chỉ tiêu được Ngân sách nhà nước cấp.

Năm 2015: 5.552 người, trong đó có 4.652 chỉ tiêu được Ngân sách nhà nước cấp.

Năm 2016: 5.531 người, trong đó có 4.648 chỉ tiêu được Ngân sách nhà nước cấp.

Năm 2017: 5.531 người, trong đó có 4.648 chỉ tiêu được Ngân sách nhà nước cấp (giữ nguyên số đã giao năm 2016).

Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017: 7.671 viên chức (trong đó, riêng các đơn vị sự nghiệp của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, tuy không được giao nhưng hiện có mặt 2.179 viên chức); 2.695 hợp đồng lao động chuyên môn.

c) Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao 143 lao động hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và chỉ bố trí tại các đơn vị quản lý nhà nước thuộc và trực thuộc Bộ. Tính đến ngày 15/6/2017, số lượng có mặt là 138 người.

(Chi tiết số biên chế công chức, hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục 01, 02 kèm theo).

2. Tổng hợp số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ 100%

Đến tháng 6 năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường có 66 đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên. Tại các đơn vị này, số lượng người làm việc có 5.080 người, trong đó: 3.428 viên chức; 1.648 hợp đồng lao động chuyên môn; 04 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

3. Đánh giá

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị và chỉ tiêu biên chế được giao của từng năm Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cân đối, phân bổ chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị trực thuộc Bộ. Tổng chỉ tiêu biên chế phân bổ cho các đơn vị bằng tổng số chỉ tiêu biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường được Bộ Nội vụ giao.

Đối với biên chế công chức, căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, các đơn vị xây dựng, lập kế hoạch tuyển dụng trình Bộ phê duyệt và thực hiện theo quy định. Đến nay, các đơn vị đã cơ bản sử dụng hết số chỉ tiêu biên chế được giao. Số biên chế công chức chưa thực hiện là 32 biên chế; trong đó, chủ yếu là các

trường hợp đang làm thủ tục tiếp nhận hoặc do mới nghỉ hưu, chuyển công tác. Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng số công chức còn thiếu so với chỉ tiêu được giao. Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2013 - 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao bổ sung một số chức năng, nhiệm vụ và thành lập mới các tổ chức (Cục Viễn thám quốc gia; Cục Quản lý tài nguyên nước có các chi cục tại thành phố Hồ Chí Minh, khu vực Bắc Trung Bộ, khu vực miền Trung và Tây Nguyên; Tổng cục Môi trường được thành lập Cục Môi trường miền Trung và Tây Nguyên và Cục Môi trường miền Nam; Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường có thêm Chi cục Bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu, Chi cục Bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy) nhưng biên chế công chức của Bộ không được giao bổ sung để thực hiện các nhiệm vụ mới được mà còn bị cắt giảm dẫn đến có một số đơn vị mới thành lập (cục trực thuộc Bộ, cục trực thuộc các tổng cục) số lượng biên chế được giao không đủ để bố trí cho các vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ được giao; bên cạnh đó, hiện nay các đơn vị này đều phải thực hiện chính sách cắt giảm biên chế theo quy định, đã làm cho việc bố trí, sử dụng công chức càng khó khăn hơn.

Đối với chỉ tiêu số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện các quy định về việc quản lý biên chế viên chức, từ ngày thành lập Bộ đến nay, Bộ đã quyết định phân bổ biên chế cho các đơn vị sự nghiệp theo thẩm quyền và cơ bản giữ ổn định. Hàng năm, Bộ đều thực hiện việc rà soát, điều chỉnh số lượng người làm việc để phân bổ phù hợp cho các đơn vị, đảm bảo không lãng phí biên chế cũng như đáp ứng nhu cầu công việc của các đơn vị. Việc tuyển dụng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ được thực hiện nghiêm túc, bài bản, có kế hoạch cụ thể, trên cơ sở đáp ứng nhu cầu, vị trí công việc và không vượt quá số lượng người làm việc được giao.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ CÁC NĂM GẦN ĐÂY

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch, kết quả thực hiện tình giản biên chế

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 7 năm 2015 phê duyệt Chương trình hành động của Bộ thực hiện chính sách tình giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ đến năm 2021 phải giảm được 10% biên chế công chức, chỉ tiêu số lượng người làm việc của Bộ so với năm 2015. Ngay sau khi Bộ

Chính trị ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện công tác tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức của Bộ và thành lập mới Ban Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trên cơ sở lồng ghép nhiệm vụ về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức và thực hiện chính sách tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức của Bộ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 về ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế, Bộ đã ban hành các văn bản chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện công tác tinh giản biên chế trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đảm bảo mục tiêu mỗi năm từ 1,5 đến 2% biên chế công chức tại các tổ chức hành chính và từ 1,5 đến 2% số lượng chỉ tiêu người làm việc được giao tại đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Bộ đã thẩm định, phê duyệt Đề án tinh giản biên chế 07 năm (2015 - 2021) của hầu hết các đơn vị trực thuộc Bộ; một số đơn vị còn lại đang trong quá trình thẩm định, phê duyệt do mới được chuyển đổi cơ cấu tổ chức từ đơn vị sự nghiệp sang quản lý nhà nước hoặc có thay đổi về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

2. Kết quả tinh giản biên chế cụ thể hằng năm

a) Năm 2015

Thực hiện tinh giản biên chế theo diện nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay đối với 01 công chức và 96 viên chức (gồm: 71 trường hợp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 25 trường hợp do ngân sách đơn vị tự đảm bảo).

b) Năm 2016

Thực hiện tinh giản biên chế theo diện nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay đối với 01 công chức và 190 viên chức (gồm: 86 trường hợp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 104 trường hợp do Ngân sách đơn vị tự đảm bảo).

c) Năm 2017

Thực hiện tinh giản biên chế theo diện nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc ngay đối với 120 viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (gồm: 98 trường hợp đang hưởng lương từ Ngân sách nhà nước và 22 trường hợp do Ngân sách đơn vị tự đảm bảo).

3. Đánh giá

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng yêu cầu, đảm bảo mục tiêu giảm 10% biên chế được giao so với năm 2015 trong giai đoạn 7 năm, 2015 - 2021; trong đó mỗi năm thực hiện giảm từ 1,5 đến 2%.

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, theo giai đoạn 6 tháng hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thuộc diện tinh giản biên chế để đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính cho ý kiến theo quy định. Tuy nhiên, việc thực hiện tinh giản biên chế chủ yếu tập trung vào đội ngũ viên chức, đối tượng nghỉ hưu trước tuổi để hưởng chính sách và ở một số đơn vị trực thuộc Bộ (gồm: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu); trong khi đó các đơn vị khác chưa quyết liệt trong việc rà soát, thực hiện tinh giản biên chế.

III. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Thực trạng về số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Theo cơ cấu ngạch công chức: có 5,83% chuyên viên cao cấp, 33,66% chuyên viên chính và tương đương, 55,21% chuyên viên và tương đương, 5,3% cá sự, nhân viên và tương đương.

- Theo chức danh nghề nghiệp viên chức: có 1,19% viên chức giữ chức danh hạng I và tương đương, 13,46% viên chức giữ chức danh hạng II và tương đương, 67,12% viên chức giữ chức danh hạng III và tương đương, 18,68% viên chức giữ chức danh hạng IV và tương đương.

- Theo trình độ đào tạo:

+ Khối quản lý nhà nước có: 9% tiến sĩ, 35% thạc sĩ, 43% đại học;

+ Khối sự nghiệp có: 3% tiến sĩ; 15% thạc sĩ; 43% đại học.

- Về cơ cấu độ tuổi:

+ Khối quản lý nhà nước có: 8,87% công chức từ 30 tuổi trở xuống, 44,2% từ 31 đến 40 tuổi, 23,36% từ 41 đến 50 tuổi và 12,86% trên 50 tuổi.

+ Khối sự nghiệp: 18,1% từ 30 tuổi trở xuống, 34,62% từ 31 đến 40 tuổi, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 23,11%, từ 51 đến 60 tuổi 14,16%, trên 60 tuổi là 0,11%.

2. Thực trạng về đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Kết quả đánh giá, phân loại công chức năm 2016 (bao gồm công chức trong cơ quan hành chính và công chức lãnh đạo trong đơn vị sự nghiệp)

Tổng số người thực hiện đánh giá, phân loại là 1.214. Trong đó:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 847 người, tương đương 69,8%.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 359 người, tương đương 29,6%.
- Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực: 07 người, tương đương 0,6%.
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 01 người, tương đương 0,1%.

b) Kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm 2016

Tổng số người thực hiện đánh giá, phân loại là 7.582. Trong đó:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1.848 người, tương đương 24,37%.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 5.162 người, tương đương 68,08%.
- Hoàn thành nhiệm vụ: 499 người, tương đương 6,58%.
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 36 người, tương đương 0,47%.

c) Đánh giá

Việc đánh giá công chức, viên chức của Bộ có nhiều đổi mới, đã từng bước gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Hầu hết công chức, viên chức của Bộ đều được đánh giá, phân loại là hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng nể nang, chiếu lệ, hình thức trong thực hiện đánh giá công chức, viên chức, làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá và thực hiện tinh giản biên chế.

3. Đánh giá chung

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quan tâm xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; đã chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ nghiên cứu, xây dựng cơ cấu công chức, viên chức của đơn vị mình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và khối lượng công việc thực tế được giao; đã quan tâm, tập trung việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Bộ. Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức chưa thực sự phù hợp; số công chức, viên chức được đào tạo về kỹ thuật nhiều hơn số công chức, viên chức được đào tạo về nghiệp vụ quản lý, kinh tế. Vẫn còn có công chức, viên chức có chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với vị trí việc làm.

Đội ngũ công chức đã bước đầu đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, trong khi đó đội ngũ viên chức cần được tăng cường đào tạo nâng cao trình độ, đặc biệt là trình độ sau đại học mới đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng, triển khai khoa học kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước. Về năng lực quản lý, hầu hết các cán bộ quản lý lớn tuổi của Bộ được đào tạo cơ bản về chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm, nhưng chậm tiếp thu phương pháp quản lý mới cũng như ứng dụng công nghệ mới. Đối với thế hệ cán bộ trẻ, đa số được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, sáng tạo, nắm bắt nhanh những phương thức quản lý mới nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý cũng như nắm bắt tình hình thực tế của ngành, v.v... Nguyên nhân là do:

- Chưa tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá khối lượng, mức độ phức tạp của công việc một cách khoa học, thực tế để từ đó xác định số lượng ngạch công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm cho phù hợp.

- Một số đơn vị vẫn chưa xác định, mô tả rõ công việc của vị trí việc làm nên việc phân công công việc vẫn theo hướng cào bằng. Tất cả các công chức trong đơn vị từ người giữ ngạch cao, có kinh nghiệm đến người giữ ngạch thấp, ít kinh nghiệm đều được giao công việc có quy mô, mức độ phức tạp như nhau. Đó là tình trạng người giữ ngạch dưới nhưng làm công việc của người giữ ngạch trên, dẫn đến hiệu quả công việc bị ảnh hưởng, thời gian xử lý công việc kéo dài và làm nhiều cơ cấu ngạch công chức trong đơn vị.

- Công tác tuyển dụng chưa thống nhất, có những vị trí tuyển dụng chưa căn cứ vào vị trí việc làm, nhu cầu công việc, độ phức tạp nhiệm vụ và tiêu chuẩn ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức để tuyển dụng. Một số cơ quan, đơn vị, tổ chức có xu hướng chỉ thiên về việc tuyển dụng những người tốt nghiệp đại học trở lên mà hạn chế, không tuyển những người tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

- Việc thi nâng ngạch, thăng hạng trong thời gian qua mới chỉ tập trung vào việc giải quyết chế độ, chính sách, ít chú trọng đến vị trí việc làm, nhu cầu, yêu cầu công việc, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Người được cử dự thi chỉ cần có đủ tiêu chuẩn là được dự thi và nếu đạt thì được bổ nhiệm vào ngạch/hạng cao hơn.

Phần III
MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC
VÀ CÁC GIẢI PHÁP TINH GIẢN BIÊN CHẾ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tinh giản biên chế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; thu hút những người có đức, có tài vào làm việc tại Bộ và các đơn vị, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ và các đơn vị, giảm chi thường xuyên, góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế công chức, người lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (đang được ngân sách nhà nước đảm bảo) so với năm 2015.

Tỉ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế của Bộ:

- Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức: 10,02% của 1.268 = 127 biên chế.
- Tỷ lệ tinh giản số lượng lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10,49% của 143 người = 15 người.
- Tỷ lệ tinh giản số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp: 10,02% của 4.652 = 466 người làm việc.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh tinh giản, chuyển đổi thêm 10% số lượng người làm việc sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

II. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC

1. Quan điểm

a) Bảo đảm sự lãnh đạo của Ban Cán sự đảng, Đảng ủy Bộ, các cấp ủy Đảng ở các đơn vị; sự quản lý thống nhất của Bộ trưởng; phát huy vai trò giám sát của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công của Bộ và các đơn vị trong quá trình thực hiện.

b) Thống nhất trong nhận thức và hành động, quyết tâm thực hiện chỉ tiêu tinh giản biên chế đến năm 2021 nhưng không ảnh hưởng đến mọi hoạt động của Bộ, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

c) Tỷ lệ tinh giản biên chế được xác định theo từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ phù hợp với thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức;

d) Thực hiện tinh giản biên chế phải đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng khu vực dịch vụ công và đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp công; nâng cao đời sống công chức, viên chức.

đ) Bảo đảm mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế;

e) Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hợp lý về trình độ chuyên môn, ngạch, chức danh nghề nghiệp và độ tuổi, giới tính, dân tộc.

2. Nguyên tắc

a) Tinh giản biên chế phải được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;

b) Tinh giản biên chế phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật;

c) Phải bảo đảm chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

d) Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

Đảm bảo thực hiện mục tiêu tỷ lệ thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu đạt 10% số biên chế công chức, chỉ tiêu số lượng người làm việc đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được Bộ Nội vụ giao năm 2015 và số người lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Số lượng biên chế công chức tinh giản

- Số lượng biên chế tinh giản của 7 năm (2015-2021) là: 127 biên chế, tương đương 10,02%. Trong đó:

+ Năm 2016 và 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giảm 38 biên chế (do Bộ Nội vụ giao giảm 38 biên chế so với năm 2015).

+ Số lượng người đã và dự kiến nghỉ hưu đúng tuổi trong giai đoạn từ 2015 - 2021 là 181 người.

+ Số biên chế đã thực hiện tinh giản giai đoạn từ 2015 - 2017 là 02 người.

- Như vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tuyển dụng, tiếp nhận 94 công chức trong giai đoạn 2015 - 2021 để đảm bảo giảm được 127 biên chế được giao so với năm 2015. Số biên chế còn lại gồm 89 chỉ tiêu Bộ giữ lại để dự phòng theo quy định.

b) Chỉ tiêu số lượng người làm việc (đang hưởng lương từ Ngân sách nhà nước) tinh giản

- Chỉ tiêu số lượng người làm việc tinh giản của 7 năm (2017-2021) theo yêu cầu là: 464 chỉ tiêu, tương đương với 10,02%. Trong đó:

+ Số lượng người đã và dự kiến nghỉ hưu đúng tuổi trong giai đoạn này là 616 người.

+ Số biên chế đã thực hiện tinh giản trong giai đoạn 2015 - 2017 là 252 người.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ (bao gồm các đơn vị sự nghiệp và đơn vị quản lý nhà nước có đơn vị sự nghiệp trực thuộc) tuyển dụng, tiếp nhận 404 viên chức trong giai đoạn 2015 - 2021 để đảm bảo giảm được 466 chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao so với năm 2015. Số chỉ tiêu giảm được Bộ giữ lại để dự phòng theo quy định.

c) Số lượng người lao động hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tinh giản

Tổng số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao của Bộ là 143 người, hiện có mặt 73 người, trong đó giai đoạn 2015 - 2021 có 06 người nghỉ hưu đúng tuổi, từ năm 2015 đến nay đã có 01 trường hợp thực hiện tinh giản biên chế.

Tổng số lượng lao động hợp đồng theo yêu cầu cần giảm là 15 người, tuy nhiên, do đặc thù công việc lái xe, bảo vệ,.. là những vị trí cần phải bố trí để phục vụ yêu cầu thực tế công tác của cơ quan, đơn vị nên số lượng lao động hợp đồng nghỉ hưu đúng tuổi nêu trên sẽ xem xét để tuyển dụng mới trên cơ sở vị trí việc làm được xác định trong Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị; kết quả rà soát, sắp xếp về tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc khối quản lý nhà nước, việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.

2. Giải pháp

2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức về mục tiêu, quan điểm, ý nghĩa, yêu cầu của công tác tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của công chức, viên chức trong thực hiện chủ trương tinh giản biên chế; xác định trách nhiệm thực hiện tinh giản biên chế trước hết thuộc về người đứng đầu đơn vị.

2.2. Về tổ chức bộ máy, biên chế:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ tiếp tục tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ để đề xuất kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp, đảm bảo tinh gọn đầu mối bên trong, giảm các đơn vị trung gian.

- Cơ bản không giao thêm biên chế công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc Bộ, trừ trường hợp đặc biệt: thành lập thêm tổ chức, đơn vị mới; phát sinh nhiệm vụ mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, khung năng lực cho từng vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ để làm căn cứ xác định biên chế đúng, đủ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ theo hướng chú trọng phẩm chất, năng lực.

- Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức mới không quá 50% số biên chế công chức, viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế và không quá 50% số biên chế công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định.

- Rà soát, xác định cơ cấu, số lượng cán bộ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các đơn vị để làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng cán bộ hợp đồng hợp lý, tiết kiệm kinh phí.

2.3. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập

Tiếp tục đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Số lượng người làm việc từ việc chuyển đổi hoạt động sẽ được bố trí cho các nhiệm vụ cần được tăng cường của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ, Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp đã thực hiện tự chủ, tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động của Bộ. Khuyến khích các đơn vị

thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc áp dụng cơ chế tài chính của doanh nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ có điều kiện xã hội hóa cao thực hiện tự chủ, tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động theo lộ trình phù hợp.

- Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu sự nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi thêm 10% số lượng viên chức sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp.

2.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý công chức, viên chức

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức; tăng cường thu hút, tiếp nhận công chức, viên chức có năng lực, trình độ, có kinh nghiệm thực tiễn vào công tác tại các đơn vị thuộc Bộ.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nhất là kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức trong quy hoạch lãnh đạo, quản lý của Bộ và các đơn vị; đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Tiếp tục đổi mới và thực hiện nghiêm việc đánh giá công chức, viên chức của đơn vị dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm thực chất, không hình thức, nể nang, né tránh; sử dụng, bố trí công chức, viên chức đúng vị trí, đúng năng lực, sở trường, phù hợp với vị trí việc làm.

- Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó trong các đơn vị thuộc Bộ.

- Hoàn thiện kế hoạch, chương trình, nội dung, hình thức bồi dưỡng công chức, viên chức bảo đảm chất lượng bồi dưỡng, theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu công tác của các đơn vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trẻ có trình độ chuyên môn cao trên cơ sở Đề án đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ của Bộ giai đoạn 2016 - 2020 được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 2190/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 9 năm 2016.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của Bộ, của các đơn vị và từng công chức, viên chức để tiết kiệm nhân lực, thời gian, kinh phí và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện tinh giản biên chế đối với những công chức, viên chức không hoàn thành, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (phẩm chất, năng lực, sức khỏe), những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: thực hiện tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức và người lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp tại các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thời gian thực hiện: từ năm 2015 đến hết năm 2021.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ có trách nhiệm

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đến công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý;

b) Xây dựng Đề án tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình trình Bộ trưởng phê duyệt (từ năm 2015 đến năm 2021 và từng năm);

c) Tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án tinh giản biên chế sau khi được phê duyệt;

d) Trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế được Bộ trưởng phê duyệt, lập danh sách công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong diện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị mình theo định kỳ 02 lần/năm (06 tháng/lần) gửi Vụ Tổ chức cán bộ thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt;

đ) Thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách cho từng đối tượng tinh giản biên chế thuộc quyền quản lý.

2. Vụ Tổ chức cán bộ

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thực hiện tinh giản biên chế theo đúng quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ xây dựng Đề án tinh giản biên chế và lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế;

c) Thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ;

d) Thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ theo định kỳ 02 lần/năm (6 tháng/lần);

đ) Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của Bộ theo định kỳ 02 lần/năm (6 tháng/lần) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thực hiện tinh giản biên chế;

g) Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của Bộ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

b) Đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung kinh phí và thực hiện việc quyết toán kinh phí chi trả cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

c) Bố trí kinh phí để thực hiện Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của Bộ theo quy định.

4. Báo Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử của Bộ và của các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm phổ biến, đưa tin về văn bản của Đảng, Nhà nước, của Bộ về tinh giản biên chế và các hoạt động của Bộ, của các đơn vị để nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện tinh giản biên chế theo đúng yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ.

5. Đề nghị Đảng ủy Bộ, cấp ủy các đơn vị, các tổ chức đoàn thể của Bộ và các đơn vị, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tăng cường sự lãnh đạo, giám sát, tham gia việc thực hiện tinh giản biên chế của Bộ và các đơn vị, động viên công chức, viên chức, đoàn viên thống nhất tư tưởng và hành động thực hiện có hiệu quả việc tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn kinh phí xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường do Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác./.



TỔNG HỢP BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

TT	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Công chức	*Hợp đồng khác	Hợp đồng 68
	Tổng số	1238	0	40	1268	0	134	1230	0	142	1196	74	138
I	Lãnh đạo	7	0	0	7	0	0	6	0	0	4	0	0
II	Tổng cục và tương đương	674	0	40	672	0	67	666	0	70	648	57	74
1	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	127	0	21	126	0	21	124	0	21	118	0	21
2	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN	151	0	0	148	0	19	145	0	21	143	0	19
3	Tổng cục Quản lý đất đai	174	0	0	176	0	12	172	0	12	163	7	18
4	Tổng cục Môi trường	222	0	19	222	0	15	217	0	16	216	50	16
5	Tổng cục Khí tượng Thủy văn (*)	Chưa thành lập						8	0	0	8	0	0
III	Cục, vụ và tương đương	552	0	0	589	0	67	558	0	72	544	17	64
1	Cục Công nghệ thông tin	45	0	0	45	0	10	44	0	10	42	0	10
2	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	47	0	0	47	0	10	46	0	10	41	4	6

TT	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Công chức	*Hợp đồng khác	Hợp đồng 68
3	Cục Khí tượng Thủy văn và BDKH	51	0	0	51	0	2	42	0	2	49	0	2
4	Cục Quản lý tài nguyên nước	71	0	0	70	0	4	68	0	4	57	0	3
5	Cục Viễn thám quốc gia	Chưa thành lập			33	0	4	33	0	4	32	13	4
6	Văn phòng Bộ	64	0	0	64	0	31	61	0	35	61	0	31
7	Thanh tra Bộ	63	0	0	64	0	4	63	0	4	62	0	3
8	Vụ Hợp tác quốc tế	23	0	0	23	0	0	21	0	0	19	0	0
9	Vụ Kế hoạch (Sáp nhập với Vụ Tài chính thành Vụ Kế hoạch - Tài chính tháng 4/2017**)	30	0	0	30	0	0	50	0	0	54	0	0
10	Vụ Tài chính	26	0	0	26	0	0	-	0	0	0	0	0
11	Vụ Khoa học và Công nghệ	18	0	0	18	0	0	17	0	0	17	0	0
12	Vụ Pháp chế	22	0	0	22	0	0	21	0	0	19	0	0
13	Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền	14	0	0	14	0	0	13	0	0	13	0	0
14	Vụ Tổ chức cán bộ	23	0	0	23	0	0	23	0	0	23	0	0

TT	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế công chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Công chức	*Hợp đồng khác	Hợp đồng 68
15	Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam	20	0	0	20	0	0	19	0	0	20	0	2
16	Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia	12	0	0	12	0	1	11	0	2	11	0	2
17	Văn phòng Ban chỉ đạo 33	11	0	0	11	0	1	10	0	1	10	0	1
18	Văn phòng Công đoàn Bộ	4	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Văn phòng Đảng ủy Bộ	6	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	Chưa thành lập						14	0	0	14	0	0
IV	Biên chế dự phòng	5	0	0	4	0	0	2	0	0	0	0	0

(*) Sẽ giao khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

(**): Sáp nhập Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính thành Vụ Kế hoạch - Tài chính.

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP) VÀ HĐLĐ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	Tổng số	5.582	0	0	5.552	0	0	5.531	0	0	7.671	2.695	73
I	Đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ	4.413	0	0	4.413	0	0	4.318	0	0	4.714	1.091	69
1	Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia	3091			3091			3028			2884	194	69
2	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước QG	33			33			0			684	170	
3	Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	56			56			55			47	3	
4	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	250			250			246			213	17	
5	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	190			190			188			190	46	
6	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	100			100			99			92	73	
7	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	99			99			98			52	34	
8	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	314			314			314			307	232	
9	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP HCM	166			166			166			159	175	
10	Trường Cao đẳng tài nguyên và môi trường miền Trung	107			107			105			66	30	
11	Báo Tài nguyên và Môi trường										3	73	

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
12	Tạp chí tài nguyên và môi trường	7			7			7			7	17	
13	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng							12			10	27	
II	Đơn vị sự nghiệp thuộc tổng cục thuộc Bộ	746	0	0	746	0	0	740	0	0	2619	1023	2
1	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	391			391			388			263	389	2
	<i>Viện Nghiên cứu biển và hải đảo</i>	30			30			30			20	30	
	<i>Trung tâm Điều tra tài nguyên - môi trường biển</i>	75			75			74			49	77	
	<i>Trung tâm Đào tạo và Truyền thông biển, hải đảo</i>	22			22			22			17	6	
	<i>Trung tâm Hải văn</i>	85			85			85			66	15	2
	<i>Trung tâm Quy hoạch và Quản lý tổng hợp vùng duyên hải khu vực phía Bắc</i>	30			30			30			18	14	
	<i>Trung tâm Quy hoạch và Quản lý tổng hợp vùng duyên hải khu vực phía Nam</i>	28			28			30			16	59	
	<i>Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo</i>	30			30			30			21	8	
	<i>Trung tâm Trắc địa và Bản đồ biển</i>	91			91			88			56	180	
2	Tổng cục Quản lý đất đai	294	0	0	294	0	0	292	0	0	241	355	0
	<i>Viện Nghiên cứu quản lý đất đai</i>	44			44			44			39	49	
	<i>Trung tâm Điều tra, Đánh giá tài nguyên đất</i>	104			104			103			81	139	
	<i>Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai</i>	47			47			47			40	39	
	<i>Trung tâm Đào tạo và Truyền thông đất đai</i>	16			16			16			22	27	

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	<i>Trung tâm Ứng dụng và Phát triển công nghệ địa chính</i>	39			39			39			29	41	
	<i>Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính</i>	25			25			25			12	3	
	<i>Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ địa chính (thuộc Cục Đăng ký đất đai)</i>	19			19			18			18	57	
3	Tổng cục Môi trường	61	0	0	61	0	0	60	0	0	77	279	0
	<i>Viện Khoa học môi trường</i>	28			28			28			25	6	
	<i>Trung tâm Đào tạo và Truyền thông môi trường</i>	0			0			2			11	31	
	<i>Trung tâm Quan trắc môi trường</i>	33			33			24			29	110	
	<i>Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường</i>	0			0			2			2	35	
	<i>Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường</i>	0			0			2			7	86	
	<i>Tạp chí Môi trường</i>	0			0			2			3	11	
4	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam										2.038		0
	<i>Liên đoàn Bàn đồ Địa chất miền Bắc</i>										196		0
	<i>Liên đoàn Bàn đồ Địa chất miền Nam</i>										187		
	<i>Liên đoàn Địa chất Đông Bắc</i>										200		
	<i>Liên đoàn Địa chất Tây Bắc</i>										160		
	<i>Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ</i>										200		
	<i>Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ</i>										200		

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	<i>Liên đoàn Địa chất Xa - Hiếm</i>										199		
	<i>Liên đoàn Vật lý Địa chất</i>										156		
	<i>Liên đoàn INTERGEO</i>										250		
	<i>Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản biển</i>										80		
	<i>Trung tâm Kiểm định và Công nghệ địa chất</i>										50		
	<i>Trung tâm Phân tích thí nghiệm địa chất</i>										70		
	<i>Trung tâm Thông tin, Lưu trữ địa chất</i>										51		
	<i>Bảo tàng địa chất</i>										30		
	<i>Tạp chí Địa chất</i>						0				9	0	
III	Đơn vị sự nghiệp thuộc cục thuộc Bộ	423	0	0	393	0	0	390	0	0	338	581	2
1	Cục Quản lý tài nguyên nước	82	0	0	82	0	0	82	0	0	78	20	0
	<i>Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước</i>	27			27			27			29	5	
	<i>Trung tâm Thẩm định - Tư vấn tài nguyên nước</i>	17			17			17			21	5	
	<i>Trung tâm Thông tin - Kinh tế tài nguyên nước</i>	38			38			38			28	10	
2	Cục Công nghệ thông tin	42	0	0	42	0	0	41	0	0	36	119	0
	<i>Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS</i>	8			8			8			7	27	
	<i>Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin</i>	8			8			8			6	19	

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	<i>Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin</i>	5			5			5			4	10	
	<i>Trung tâm Lưu trữ và Thông tin tài nguyên môi trường</i>	8			8			8			8	19	
	<i>Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ</i>	8			8			7			7	26	
	<i>Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin phía Nam</i>	5			5			5			4	18	
3	Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	20	0	0	20	0	0	20	0	0	3	27	0
	<i>Trung tâm Bảo vệ tầng ô-dôn</i>	10			10			12			2	18	
	<i>Trung tâm Công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu</i>	10			10			8			1	9	
4	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	212	0	0	212	0	0	210	0	0	184	207	2
	<i>Trung tâm Biên giới và Địa giới</i>	53			53			52			52	51	2
	<i>Trung tâm Địa tin học</i>	18			18			0			0	0	
	<i>Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ</i>	33			33			33			28	22	
	<i>Trung tâm Quản lý và Cung cấp dịch vụ định vị vệ tinh</i>	10			10			0			0	0	
	<i>Trung tâm Thiết kế - Tư vấn đo đạc và bản đồ</i>	15			15			0			0	0	
	<i>Trung tâm Thông tin Dữ liệu đo đạc và bản đồ</i>	41			41			35			29	24	
	<i>Trung tâm Ứng dụng và Phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ</i>	22			22			0			0	0	
	<i>Trung tâm Tư vấn và Phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ</i>	4			4			10			6	27	

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	<i>Ban Quản lý các dự án đo đạc và bản đồ</i>	16			16			21			19	18	
	<i>Trung tâm Điều tra - Xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ</i>							59			50	65	
5	Cục Viễn thám quốc gia	67	0	0	37	0	0	37	0	0	37	208	0
	<i>Đài Viễn thám Trung ương</i>	12			6			6			7	22	
	<i>Trung tâm Dịch vụ viễn thám và Địa tin học</i>	10			6			6			2	61	
	<i>Trung tâm Giám sát tài nguyên môi trường và thiên tai</i>	9			5			5			4	23	
	<i>Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ viễn thám</i>	9			5			5			5	21	
	<i>Trung tâm Thành lập và Hiện chỉnh bản đồ viễn thám</i>	13			6			6			13	33	
	<i>Trung tâm Thông tin và Dữ liệu viễn thám</i>	8			4			4			4	34	
	<i>Trung tâm Viễn thám miền Nam</i>	6			5			5			2	14	
IV	Đơn vị sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp	3035	0	0	3037	0	0	3085	0	0	3501	364	73
1	Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia	3035	0	0	3037	0	0	3085	0	0	2884	194	69
	<i>Văn phòng Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia</i>	72			71			71			64	2	4
	<i>Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương</i>	130			131			132			127	3	4
	<i>Trung tâm Mạng lưới khí tượng thủy văn và môi trường</i>	90			90			91			88	2	6
	<i>Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn</i>	78			78			78			68	7	2

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
	<i>Trung tâm Ứng dụng và Bồi dưỡng nghiệp vụ khí tượng thủy văn và môi trường</i>	23			23			23			13	7	0
	<i>Liên đoàn Khảo sát khí tượng thủy văn</i>	0			0			36			34	39	0
	<i>Đài Khí tượng cao không</i>	70			70			70			58	6	1
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc</i>	212			212			212			203		3
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Việt Bắc</i>	298			298			298			290	21	4
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc</i>	333			331			330			303	4	11
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng Bắc Bộ</i>	312			313			314			300	14	5
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ</i>	299			296			296			275	2	5
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ</i>	256			256			256			240	59	5
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ</i>	197			197			197			184	1	5
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ</i>	453			455			455			420	14	8
	<i>Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên</i>	199			199			199			192	4	6
	<i>Tạp chí Khí tượng thủy văn</i>	0			0			3			4	5	0
	<i>Ban Quản lý các dự án khí tượng thủy văn</i>	13			17			24			21	4	0

T T	Tổ chức	Số giao của Bộ tại thời điểm 31/5/2013			Số giao của Bộ tại thời điểm 30/4/2015			Số giao của Bộ tại thời điểm 15/6/2017 (Dự kiến)			Số có mặt tại thời điểm 15/6/2017		
		Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Biên chế sự nghiệp do Bộ giao	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68	Viên chức	Hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ	Hợp đồng 68
2	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia										617	170	4
	<i>Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc</i>										210	0	0
	<i>Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung</i>										213	0	4
	<i>Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam</i>										169	88	0
	<i>Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước</i>										18	0	0
	<i>Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước</i>										3	24	0
	<i>Trung tâm Dữ liệu quy hoạch và điều tra tài nguyên nước</i>										2	26	0
	<i>Trung tâm Kỹ thuật và Tư vấn tài nguyên nước</i>										2	32	0
V	Biên chế dự phòng	0			0			83					